TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2022
V/v "***Tranh chấp ly hôn*** "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Thúy Hằng
2. Ông Nguyễn Thế Khoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Văn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Tuyết T, sinh năm 1991
Trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên;
Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Anh Phan Ngọc Ả, sinh năm 1991
Trú ở: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện do chị Trương Thị Tuyết T viết ngày 07/01/2022 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị T trình bày: Vào năm 2012 chị T và anh Phan Ngọc Ả kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với lý do anh Ả không lo làm ăn, cờ bạc, rượu chè, nhiều lần chị T có khuyên bảo nhưng anh Ả vẫn không thay đổi. Trước đây chị T có làm đơn ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh Ả cam kết sửa đổi tính tình, xin tha thứ nên chị T đã rút đơn, tuy nhiên sau đó anh Ả vẫn tính nào tật đó không thay đổi. Hơn nữa, từ năm 2019 vợ chồng không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T không còn tình cảm với anh Ả nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2010 và Phan Trường A, sinh ngày 27/6/2019, hiện đang ở với chị Th. Ly hôn chị T xin nhận nuôi hai con, yêu cầu anh Ả có nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung mỗi tháng 1.500.000đ (mỗi con cấp dưỡng 750.000đ/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, xây dựng trên diện tích đất của cha, mẹ anh Ảnh, tọa lạc tại thôn Đ, xã H, huyện P. Ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Ngọc Ả được Tòa án nhân dân huyện P tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để hòa giải và xét xử nhưng anh Ả đều vắng mặt. Theo biên bản làm việc ngày 19/5/2022 ông Phan Đình P là cha ruột anh Ả trình bày: Vợ chồng Ả và chị T có xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã, lý do anh Ả chơi cờ bạc, gây nợ nần, cách đây hai đến ba tháng anh Ả đi làm ăn ở Sài Gòn, còn T bỏ về nhà cha, mẹ đẻ ở cho đến nay. Vợ chồng T, Ả có hai con chung đang ở với chị T, về tài sản chung vợ chồng T, Ả có một ngôi nhà cấp 4, xây dựng trên diện tích đất của ông P cho nhưng chưa làm thủ tục sang tên gì hết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Trương Thị Tuyết T được ly hôn với anh Phan Ngọc Ả; Về con chung: Giao Phan Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2010 và Phan Trường A, sinh ngày 27/6/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục (phù hợp với nguyện vọng của cháu H là được ở với mẹ), chị T yêu cầu anh Ả phải cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000đ (mỗi con cấp dưỡng 750.000đ/tháng) là phù hợp nên đề nghị Tòa chấp nhận. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1]Về thủ tục tố tụng**: Bị đơn anh Phan Ngọc Ả đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết T và anh Phan Ngọc Ả tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không sống chung với nhau và không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ả đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh Ả không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh Ả.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2010 và Phan Trường A, sinh ngày 27/6/2019. Tại phiên tòa, chị T xin được trực tiếp nuôi hai con chung. Xét thấy, hiện nay hai cháu A còn nhỏ, còn cháu T có nguyện vọng xin ở với mẹ. Đồng thời để đảm bảo sự phát triển ổn định cuộc sống như lâu nay của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T, giao cháu T và cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị Tuyết T yêu cầu anh Phan Ngọc Ả phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000đ (mỗi cháu 750.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8/2022. Xét thấy, anh Ảnh có khả năng lao động và có thu nhập, chị Trinh yêu cầu phải cấp dưỡng nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3] Về tài sản chung**: Chị Trương Thị Tuyết T không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[**4] Về án phí**: Chị Trương Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Anh Phan Ngọc Ả phải chịu 300.000đ án phí DSST (phần cấp dưỡng nuôi con).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Trương Thị Tuyết T được ly hôn với anh Phan Ngọc Ả.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2010 và Phan Trường A, sinh ngày 27/6/2019 cho chị Trương Thị Tuyết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Trân là ở với mẹ).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Ngọc Ả có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) (mỗi cháu 750.000đ/tháng). Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8/2022 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Tuyết T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Chị T đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004337 ngày 28/02//2022 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, Phú Yên.

Anh Phan Ngọc Ả phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST (phần cấp dưỡng nuôi con).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Hoà;
- CCTHADS H P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H,
(số 64 ngày 04/6/2012);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Sơn